

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý hồ sơ việc hôn nhân gia đình số 35/2021/TLST-VHNGĐ về việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B;

- Ông Nguyễn Công A, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG HÒA GIẢI THÀNH:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình là bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B lập vào ngày 14 tháng 01 năm 2021, nội dung hòa giải thành như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Gia N1, sinh ngày 19/11/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 24/6/2013. Giao cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 19/11/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 24/6/2013. Ông Nguyễn Công A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 và cháu T đủ 18 tuổi.

Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một trong hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức trợ cấp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông A không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B nhận định:

[1] Ngày 14/01/2021, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi Hòa giải viên tại Tòa án nhân dân thị xã B tiến hành hòa giải thành và lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các đương sự thì thấy:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2021, bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Công A, đề nghị Tòa án giải quyết quyền nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/01/2021, Tòa án nhân dân thị xã B đã chuyển vụ việc sang hòa giải và chỉ định Hòa giải viên tiến hành hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại năm 2020.

Hòa giải viên tiến hành hòa giải và lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành vào ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 31 Luật Hòa giải, đối thoại năm 2020. Nội dung hòa giải thành giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A đã nêu ở phần trên.

Xét thấy:

- Các bên tham gia hòa giải tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ việc; nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Kết quả hòa giải thành giữa các đương sự thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại năm 2020.

- Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Do đó, xét có cơ sở để Tòa án ban hành quyết định công nhận kết quả hòa giải thành.

[3] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39; Điều 144 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 2; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34 và Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Công A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia N1, sinh ngày 19/11/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 24/6/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Công A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N và cháu T đủ 18 tuổi.

Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một trong hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức trợ cấp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0054250 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh B1;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Văn Thị Thanh Trúc